

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 14/ 2022/IPA
V/v: Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
Mã chứng khoán: IPA
Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 024. 39365868
Email: congbothongtinipa@ipa.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A công bố thông tin thay đổi Điều lệ Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và Nghị quyết HĐQT ngày 29/6/2022. (Chi tiết theo Điều lệ đính kèm).
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/6/2022 tại website: <http://www.ipa.com.vn/>
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Điều lệ Công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Nghị quyết HĐQT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ
I.P.A

NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thông qua theo Nghị quyết số 133/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2022 và sửa đổi Khoản 1 Điều 6 về mức vốn điều lệ Công ty theo Nghị quyết HĐQT ngày 29/6/2022 của Công ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và thành viên khác thuộc Ban điều hành Công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- p) *Công ty* là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Mã số 0100779693 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, PHÒNG GIAO DỊCH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

- Tên tiếng Anh: IPA INVESTMENTS GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: IPA INVESTMENTS GROUP
- Tên viết tắt: IPA GROUP., JSC

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100779693 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2007.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 024.39365868 Fax: 024.39365869
- E-mail: Website: www.ipa.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

Công ty có thể thành lập chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh (kể cả ở nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Mạng lưới hoạt động của Công ty bao gồm Trụ sở chính, các chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện được thành lập theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại các Điều 29 của Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện đầy đủ thẩm quyền của Công ty trước bên thứ ba và không bị hạn chế trong bất kỳ bất giao dịch hoặc lĩnh vực nào.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020 (chính)
2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;</i>	6619
3.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;</i> <i>(Không bao gồm đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa</i>	6810

	<i>để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i>	
4.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết:</i> - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; (Không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản)	6820
5.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết:</i> - Kinh doanh khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng <i>Chi tiết:</i> Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;	8291
8.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
9.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính <i>Chi tiết:</i> Hoạt động sản xuất, thiết kế và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm: sản xuất phần mềm đóng gói; sản xuất phần mềm nhúng; hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm;	6209
10.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
11.	Cho thuê xe có động cơ	7710
12.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
13.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
14.	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán <i>Chi tiết:</i> Môi giới hợp đồng hàng hóa	6612
15.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.138.357.750.000 (Hai nghìn một trăm ba mươi tám tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 213.835.775 (hai trăm mười ba triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ khi Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. Quy định này không áp dụng trong trường hợp Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông có thể được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được thanh toán đủ một lần.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công

bổ đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại

điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

- g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
- h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
- o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất; hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 35% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều

này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp/thư ký Đại hội;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến/tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc

hợp hoặc thay đổi địa điểm hợp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm hợp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự hợp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm hợp không bảo đảm cho cổ đông dự hợp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự hợp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc hợp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng hợp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự hợp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc hợp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc hợp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Hội đồng quản trị có quyền quyết định và lựa chọn việc áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

11. Cuộc hợp Đại hội đồng cổ đông phải được tổ chức bằng tiếng Việt và có thể có phiên dịch sang tiếng nước ngoài nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự hợp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự hợp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập hợp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kể cả các vấn đề sau đây:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu

biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc

hợp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ

số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm p, điểm r và điểm s Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác được quy định tại Quy chế do Hội đồng quản trị công ty ban hành; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.
Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm

vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty nêu tại Khoản 4 Điều này.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm:

a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty xác lập và thực hiện giao dịch của Công ty theo quy định của pháp luật, đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng của Công ty với các cá nhân/tổ chức, đại diện hợp pháp của chủ tài khoản đối với các tài khoản của Công ty mở tại các tổ chức tín dụng;

b) Quyết định đầu tư, bán tài sản, quyết định và ký/giao kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty; Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được ký/giao kết sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc ủy quyền;

c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh mà Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Quyết định về mức lương, thù lao, các lợi ích khác, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với chức danh quản lý do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của

Luật doanh nghiệp, Bộ luật dân sự, Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị phù hợp với quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải tổ chức họp Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết có thể gửi sau khi gửi Thông báo mời họp nhưng chậm nhất là 24h trước khi bắt đầu cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định tại Điều lệ này hoặc Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban (hoặc một tên gọi khác do Hội đồng quản trị quyết định) trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, đầu tư. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, các thành viên Ban điều hành và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị trên cơ sở được Hội đồng quản trị phân quyền/ủy quyền.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và giao điều hành Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ này.
2. Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp

luật và Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng Giám đốc điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- b) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm hoặc thuê những người khác làm Người điều hành Công ty để tham gia vào việc điều hành Công ty cùng với Tổng giám đốc.

Người điều hành khác của Công ty là người, cùng với Tổng giám đốc, điều hành công việc hằng ngày của Công ty trong các lĩnh vực được Hội đồng quản trị phân công; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Người điều hành khác của Công ty bao gồm: Giám đốc tài chính, Phó tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Người điều hành khác của Công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Người điều hành khác của công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trường hợp có Phó Tổng giám đốc phụ trách nghiệp vụ chứng khoán thì phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản 5 Điều 35 và có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách.

3. Người điều hành Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Người điều hành Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Người điều hành Công ty phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Người điều hành Công ty điều hành trái với các quy định nêu trên mà gây thiệt hại cho công ty thì Người điều hành Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và ngăn ngừa xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên

quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Người lao động và công đoàn

1. Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả

bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Công ty được thành lập.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định

pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 52. Trách nhiệm công bố thông tin

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập

Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: Các chi phí thanh lý; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Nợ thuế; Các khoản nợ khác của Công ty. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 56. Tổ chức lại Công ty

1. Việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty) phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trình tự, thủ tục và các vấn đề liên quan đến việc tổ chức lại Công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 58. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới mà dẫn đến điều khoản trong Điều lệ này bị coi là trái pháp luật thì áp dụng những quy định đó của pháp luật để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. HIỆU LỰC

Điều 59. Hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế thay thế tất cả các bản Điều lệ đã ban hành trước đây của Công ty.
2. Điều lệ được lập thành ba (03) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Công ty:



Số: 137/2022/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A;
- Căn cứ Kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A ngày 29/06/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc tăng vốn Điều lệ Công ty sau đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty đã đăng ký: 1.781.964.960.000 đồng.
- Tổng số cổ phần của Công ty trước khi phát hành cổ phiếu: 178.196.496 cổ phần.
- Số cổ phiếu Công ty đã phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 35.639.279 cổ phần¹.
- Tổng số cổ phần của Công ty sau khi phát hành cổ phiếu: 213.835.775 cổ phần.
- Vốn điều lệ của Công ty sau khi thay đổi (sau khi phát hành cổ phiếu): 2.138.357.750.000 đồng.
- Thời điểm thay đổi vốn: 17/6/2022.
- Hình thức tăng vốn: Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi điều khoản quy định về mức vốn điều lệ (Khoản 1 Điều 6) trong Điều lệ Công ty như sau:

"1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.138.357.750.000 (Hai nghìn một trăm ba mươi tám tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 213.835.775 (hai trăm mười ba triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần."

Điều 3. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị quyết định, ban hành các văn bản và tổ chức thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến công việc: (i) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (ii) Đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và; (iii) Đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán.

¹ Số cổ phiếu Công ty dự kiến phát hành theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 10/01/2022 là 35.639.299 cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền là 1:0,2 (cổ đông sở hữu mỗi 01 cổ phiếu được quyền nhận 0,2 cổ phiếu phát hành thêm). Số cổ phiếu thực tế phát hành cho các cổ đông là 35.639.279 cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu là bị hủy bỏ là 20 cổ phiếu.



Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban điều hành có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A;
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A ngày 29 tháng 06 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (“ĐHĐCĐ”) thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2021 của HĐQT và từng thành viên HĐQT, Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán và kế hoạch hoạt động năm 2022 (Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này).

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty

ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính công ty mẹ
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	266.910.235.277	28.607.496.568
2.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.605.208.228.711	1.397.314.273.196
3.	Chi phí tài chính	284.478.789.087	155.780.143.956

4.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.792.209.772.553	1.250.153.700.881
5.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.789.214.295.569	1.249.647.839.419
6.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.593.952.733.482	1.027.698.382.143

(Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này)

Điều 3. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022

ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại ĐHĐCĐ với các chỉ tiêu chủ yếu sau đây: (i) Tổng doanh thu là khoảng 1.680 tỷ đồng; (ii) Tổng lợi nhuận trước thuế là khoảng 900 tỷ đồng (Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này).

Điều 4. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022

ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị: (i) lựa chọn một trong các công ty kiểm toán có tên trong danh sách tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán đối với các công ty đại chúng để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của Công ty; và (ii) đánh giá và đàm phán để quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Điều 5. Thông qua việc chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị

ĐHĐCĐ thông qua việc trả thù lao cho HĐQT theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại Đại hội. Cụ thể như sau:

- Số tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT trong năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022 là 5 triệu đồng/người /tháng.
- Tiền thù lao sẽ chi trả cho các thành viên HĐQT từ tháng 7 năm 2022 là 8 triệu đồng/người/tháng.

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị được Công ty chi trả theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên, chi trả định kỳ hàng tháng.

Điều 6. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2021

ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty theo Tờ trình của HĐQT như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Đồng)
-----	----------	----------------

1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2021	1.027.698.382.143
2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối (lũy kế) đến 31/12/2021	291.933.668.639
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.448.241.226
4	Lợi nhuận để lại năm sau chưa phân phối	290.485.427.413

Điều 7. Thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng

ĐHĐCĐ thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại ĐHĐCĐ (Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này).

Điều 8. Thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ

ĐHĐCĐ thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại ĐHĐCĐ (Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này).

Điều 9. Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty

ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại ĐHĐCĐ (Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này).

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty

ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo Tờ trình của HĐQT đã trình bày tại ĐHĐCĐ (Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này).

Điều 11. Bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027

ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027 của Công ty với kết quả như sau:

Stt	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Số phiếu bầu
1.	Vũ Hiền	030062000055	149.092.632
2.	Phạm Minh Hương	001166000107	149.008.631
3.	Vũ Nam Hương	030183001608	148.417.631
4.	Vũ Hoàng Hà	001082026081	148.232.631
5.	Nguyễn Ngọc Thanh	022764101	148.245.630

Nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới như nêu trên là 05 năm kể từ ngày họp Đại hội đồng cổ đông (ngày 29/6/2022).

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Các quyết định và nội dung nêu tại Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



VŨ HIỀN

**PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG/TÀI LIỆU KÈM THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

PHỤ LỤC I. CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

I. Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
2. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
3. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
5. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành : 213.835.775 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: : 213.835.775 cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 213.835.775 cổ phiếu.
9. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm dự kiến theo mệnh giá : 2.138.357.750.000 đồng.
10. Tỷ lệ phát hành : 100% *(là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành).*
11. Giá chào bán : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
12. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được xác định dựa trên nguyên tắc và căn cứ theo: (i) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã kiểm toán của Công ty; và (ii) giá trị thị trường của cổ phiếu IPA.
13. Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền mua cổ phiếu mới.
14. Phương thức chào bán : Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
15. Tỷ lệ thực hiện quyền : 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền mua, 01 quyền mua được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm).
16. Thời gian thực hiện : Trong năm 2022 hoặc năm 2023, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
17. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được

chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu, sẽ được hưởng 100 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B. Nhà đầu tư B không được chuyển nhượng lại quyền mua cho người thứ ba.

18. Xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ : Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên sẽ không có phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ.
19. Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua : Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định việc chào bán số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cho nhà đầu tư/cổ đông khác trên nguyên tắc (i) giá chào bán cho nhà đầu tư khác không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, (ii) các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư mua số cổ phiếu này không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, (iii) hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
20. Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
21. Chào mua công khai : Trường hợp cổ đông/nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua, nhận mua thêm cổ phiếu còn dư và các trường hợp khác (nếu có) dẫn đến phải chào mua công khai thì cổ đông/nhà đầu tư phải thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và tại các văn bản pháp luật khác
22. Mục đích chào bán : Chào bán thêm cổ phiếu nhằm mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng vào các mục đích phù hợp với phương án sử dụng vốn nêu tại Phần II.
23. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không quy định.
24. Phương án xử lý trong trường hợp chào bán cổ : Trong trường hợp số cổ phiếu đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động

- phiếu không thành công như dự kiến không đạt đủ như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT cân nhắc bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay các tổ chức tín dụng hoặc vay từ tổ chức/cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật.
25. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành : Khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện việc phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.
26. Hạn chế chuyển nhượng Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu từ chối mua/không mua hết khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (dự kiến tối đa là **2.138.357.750.000** đồng) sẽ được sử dụng cho các mục đích, các hoạt động đầu tư/kinh doanh của Công ty như sau (theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới):

- Đầu tư, thanh toán tiền mua cổ phần tại các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực tài chính để kiện toàn chiến lược phát triển Tập đoàn IPA thành một định chế đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính và công nghệ tài chính: Tổng nguồn vốn dự kiến là **1.600** tỷ đồng. Doanh nghiệp mà Công ty dự kiến đầu tư, mua cổ phần là Tổng Công ty CP Bảo Hiểm Buru Điện (với nguồn vốn dự kiến là **1.600** tỷ đồng). Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về số lượng cổ phần và giá trị mua cổ phần tại doanh nghiệp mục tiêu căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Đầu tư vào các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính an toàn, có lãi suất cố định trên thị trường vốn/thị trường tiền tệ để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn IPA: Nguồn vốn dự kiến là **200** tỷ đồng. Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính (đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá, các loại trái phiếu và các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính có lãi suất cố định khác) và giá trị đầu tư vào các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Tái cơ cấu tài chính đối với các khoản vay/nợ, thanh toán các khoản vay/nợ và các khoản phải trả của Công ty (bao gồm thanh toán các khoản nợ vay, các khoản trả nợ lãi trái phiếu và trả nợ gốc trái phiếu/mua lại trái phiếu): Nguồn vốn dự kiến là **338.357.750.000** đồng. Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về các khoản vay/nợ cần thanh toán và giá trị các khoản thanh toán căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty tại khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Thời gian sử dụng vốn đối với các khoản tiền/nguồn vốn nêu trên dự kiến là từ Quý 4 năm 2022 và/hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT (i) toàn quyền quyết định cụ thể phương án sử dụng vốn, quyết định cụ thể việc phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu vào các mục

đích sử dụng vốn căn cứ theo tình hình hoạt động của Công ty và thị trường vốn/thị trường chứng khoán tại thời điểm triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng; (ii) quyết định thời điểm giải ngân, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán trong trường hợp thấy cần thiết và/hoặc căn cứ theo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT được toàn quyền quyết định việc sử dụng vốn một cách linh hoạt phù hợp với thực tế của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả và tối ưu cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

III. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung

Toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu trong thời hạn mà pháp luật quy định.

IV. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Cùng với việc ủy quyền cho HĐQT với các nội dung nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu như trên đây, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau đây:

- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định cụ thể việc triển khai thực hiện chào bán cổ phiếu; Quyết định thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu huy động vốn và hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Quy định cụ thể về phương án sử dụng vốn và/hoặc quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn căn cứ theo điều kiện thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan quản lý tại thời điểm thực hiện thủ tục chào bán cổ phiếu để đảm bảo thủ tục chào bán cổ phiếu được thực hiện thành công;
- Quyết định và tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể; quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và chủ động điều chỉnh việc sử dụng nguồn vốn/số tiền thu được; quyết định thời điểm giải ngân/sử dụng số tiền thu được; quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán khi thấy cần thiết hoặc theo tình hình hoạt động của Công ty (HĐQT được toàn quyền quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán); phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu để sử dụng vào các mục đích phù hợp với thực tế của Công ty;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; và (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh của Công ty; và (iii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán;

- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành/chào bán cổ phiếu, việc sử dụng vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu, đăng ký/lưu ký bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu.

PHỤ LỤC II. CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHO NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP

I. Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

- Tên chứng khoán phát hành : Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
- Giá chào bán : Ủy quyền cho HĐQT quyết định giá chào bán cho nhà đầu tư căn cứ theo giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm thực hiện thủ tục chào bán.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán : Căn cứ vào giá giao dịch của cổ phiếu IPA trên thị trường chứng khoán và dựa trên cơ sở đàm phán giữa Công ty và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp nhưng trên nguyên tắc không thấp hơn mức giá trung bình của cổ phiếu trong 30 phiên giao dịch gần nhất trên thị trường chứng khoán tính đến thời điểm thực hiện thủ tục chào bán.
- Số cổ phiếu chào bán (dự kiến): : Số lượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ bằng 9,9% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm thực hiện thủ tục chào bán riêng lẻ.
- Số vốn điều lệ tăng thêm (dự kiến) : Số vốn điều lệ tăng thêm bằng 9,9% tổng số vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thực hiện thủ tục chào bán riêng lẻ.
- Đối tượng chào bán: : Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thỏa mãn điều kiện tại Điều 11 Luật Chứng khoán năm 2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư : Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán bao gồm các tổ chức/cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:
- Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính

nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
- Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả.

- Phương thức phân phối : Phân phối trực tiếp cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Số lượng nhà đầu tư tham gia mua cổ phần chào bán riêng lẻ : Tối thiểu 01 Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Thời gian thực hiện : Trong năm 2022 hoặc năm 2023, sau khi có chấp thuận chào bán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Mối quan hệ giữa nhà đầu tư tham gia mua cổ phần chào bán riêng lẻ với IPA : Không có.
- Mối quan hệ giữa nhà đầu tư tham gia mua cổ phần chào bán riêng lẻ với người có liên quan của IPA : Không có.
- Phương án làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) : Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ không phát sinh cổ phiếu lẻ. Trong trường hợp Nhà đầu tư không mua hết số cổ phiếu mà Công ty dự định chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ được hủy.

- Phương án xử lý trong trường hợp chào bán cổ phiếu không thành công như dự kiến : Trong trường hợp số cổ phiếu đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT cân nhắc bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay các tổ chức tín dụng hoặc vay từ tổ chức/cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành : Khi phát hành cổ phiếu cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết. Ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện việc phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.
- Hạn chế chuyển nhượng: : Toàn bộ cổ phiếu phát hành, chào bán riêng lẻ đều bị hạn chế chuyển nhượng là 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, chào bán, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ được đầu tư mua cổ phần và/hoặc góp vốn hợp tác kinh doanh của/với các doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bất động sản của Tập đoàn IPA.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định việc sử dụng vốn bao gồm quyết định đối tượng đầu tư, mức giá đầu tư, giá trị đầu tư, thời điểm đầu tư ...và các nội dung khác để đảm bảo kế hoạch đạt được kết quả như kỳ vọng

III. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung

Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu trong thời hạn mà pháp luật quy định.

IV. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị

Cùng với việc ủy quyền cho HĐQT với các nội dung nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như trên đây, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT các nội dung sau đây:

- Quy định cụ thể phương án phát hành/chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung phương án phát hành/chào bán cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Lựa chọn nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp cụ thể và xác định số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Quyết định mức giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ dựa trên cơ sở đàm phán với nhà đầu tư và diễn biến giao dịch giá của cổ phiếu IPA tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Điều chỉnh/ bổ sung phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ nhằm tăng vốn điều lệ để phù hợp với sự thay đổi của các văn bản pháp luật tại thời điểm triển khai phương án (xin cấp phép các cơ quan quản lý, phân phối cổ phiếu, niêm yết, lưu ký bổ sung cổ phiếu chào bán thành công...) và/ hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- Quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu;
- Thực hiện việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu, điều chỉnh/bổ sung số lượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo phương án chào bán nêu trên đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành/chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu Nhà đầu tư nước ngoài như quy định;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án chào bán sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật;
- Xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành/chào bán gửi UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;
- Đăng ký, lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán đối với số cổ phiếu phát hành/chào bán thành công trong thời gian quy định của pháp luật hiện hành;
- Điều chỉnh nội dung vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các giấy tờ pháp lý của Công ty theo đúng số vốn điều lệ tăng lên thực tế;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; và (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh của Công ty; và (iii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc cần thiết khác để triển khai việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ phù hợp với các nội dung nêu trên.

**PHỤ LỤC III. CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH, TÀI LIỆU ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A xin báo cáo về kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT, báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như sau:

1. Báo cáo về hoạt động quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2021

HĐQT Công ty đã duy trì hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty với số thành viên trong năm 2021 là 5 người gồm Ông Vũ Hiền – Chủ tịch HĐQT, Ông Vũ Hoàng Hà, Bà Phạm Minh Hương, Bà Vũ Nam Hương, Bà Nguyễn Ngọc Thanh, trong đó có 03 thành viên không tham gia điều hành và 02 thành viên tham gia điều hành.

Trong năm 2021, HĐQT đã phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo điều hành trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và tham vấn cho Ban điều hành trong việc đưa ra chiến lược kinh doanh, phương án đầu tư, giải pháp phát triển Tập đoàn để đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo định kỳ hàng quý và đột xuất theo các phương thức khác nhau và ban hành tổng cộng 22 nghị quyết/quyết định liên quan đến tổ chức và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Các cuộc họp HĐQT đã được tổ chức và tiến hành theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành. Các biên bản, nghị quyết/quyết định của HĐQT đều được thông qua với sự thống nhất cao của các thành viên, được lưu giữ theo quy định và được công bố tại Báo cáo quản trị năm 2021 của Công ty.

HĐQT đã thường xuyên thực hiện việc giám sát đối với hoạt động điều hành Công ty của Ban điều hành, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT, bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ của Công ty và Luật doanh nghiệp. Qua việc giám sát và đánh giá sự tuân thủ, HĐQT thấy rằng Ban điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, quyết định/ng nghị quyết của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông với một sự trung thực, thận trọng và hiệu quả nên đã đảm bảo được lợi ích của cổ đông.

Về thù lao của các thành viên HĐQT, trong năm 2021 mỗi thành viên HĐQT đều được Công ty chi trả thù lao với mức thù lao của mỗi người là 05 triệu đồng/ tháng theo đúng nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.



Trong năm 2021, các thành viên HĐQT về cơ bản đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Từng thành viên HĐQT cũng đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của HĐQT. Trong đó: (i) Chủ tịch HĐQT đã thực hiện tốt các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế, ủy quyền của HĐQT gồm tổ chức các cuộc họp, thay mặt HĐQT ban hành nghị quyết/quyết định của HĐQT, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nghị quyết của HĐQT, xây dựng và ban hành các quy chế hoạt động của các tiểu ban và các quy chế quản lý nội bộ Công ty; (ii) các thành viên HĐQT không điều hành có đóng góp tích cực trong việc tham mưu, góp ý cho Ban điều hành trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; (iii) các thành viên HĐQT tham gia điều hành đã thực hiện tốt các nhiệm vụ điều hành được giao và qua đó góp phần giúp Công ty thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh của công ty năm 2021.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán: Các thành viên của Ủy ban kiểm toán được nhận thù lao với tư cách là thành viên HĐQT, với mức là 05 triệu đồng/tháng theo đúng nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán: Trong năm 2021 Ủy ban kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Qua hoạt động kiểm toán thì Ủy ban kiểm toán thấy rằng các hoạt động quản trị, điều hành của Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty: Ủy ban kiểm toán đã thực hiện giám sát, kiểm tra tính phù hợp của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, soát xét 6 tháng, báo cáo tài chính kiểm toán năm trước khi trình HĐQT, ĐHĐCĐ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Ủy ban kiểm toán đánh giá rằng: (i) các báo cáo tài chính của Công ty đã đảm bảo tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của các báo cáo theo chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành; (ii) việc ghi nhận hạch toán kế toán của Công ty là theo đúng quy trình, đảm bảo minh bạch, rõ ràng trong quá trình hoạt động.

Báo cáo quản trị của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty đã được công bố và đã ghi nhận đầy đủ thông tin về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty đã được quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật.

Hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty đều đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

010
C
CI
PB
]

Trong năm 2021 thì sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với HĐQT, Tổng giám đốc đều đảm bảo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị, giám sát và điều hành Công ty.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Năm 2021 hoạt động kinh doanh của cả Công ty mẹ và các đơn vị thành viên của Tập đoàn IPA đạt kết quả hết sức tích cực trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Cụ thể: (i) Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập đoàn IPA đạt 1.593 tỷ đồng, tăng 760% so với năm 2020 và đạt 144% kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (kế hoạch đề ra là 1.100 tỷ đồng) và (ii) Lợi nhuận sau thuế của riêng Công ty mẹ đạt 1.027 tỷ đồng, tăng 992,4 tỷ (tương ứng tăng 2.813%) so với năm trước. Các Công ty con/Công ty liên kết thuộc Tập đoàn IPA hoạt động trong các lĩnh vực tài chính/chứng khoán, kinh doanh năng lượng/điện cũng đã đạt kết quả kinh doanh hết sức tích cực và qua đó đóng góp nguồn doanh thu và lợi nhuận tốt cho Tập đoàn. Tiêu biểu như Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT trong năm 2021 ghi nhận lợi nhuận sau thuế là 2.383 tỷ đồng, đạt 148% so với kế hoạch đề ra.

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện phát hành thành công 03 đợt trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị phát hành là 2.300 tỷ đồng để tăng quy mô vốn phục vụ cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tập đoàn, nguồn vốn huy động được đã được Tập đoàn sử dụng hiệu quả và phù với quy định của pháp luật đem lại năng lực tài chính vững mạnh cho Tập đoàn để triển khai các hoạt động đầu tư kinh doanh.

4. Định hướng hoạt động và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn IPA

Trong năm 2022, Tập đoàn sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2021 và hướng tới sự phát triển đột phá trong tổ chức hoạt động dựa trên các định hướng quản trị là tiếp tục duy trì mô hình tập đoàn (holding company) trong đó mỗi đơn vị thành viên vừa phát triển độc lập và vừa hỗ trợ lẫn nhau trong các lĩnh vực kinh doanh của mình.

Về hoạt động kinh doanh: Tập đoàn tiếp tục phát triển cả về chiều sâu và chiều rộng theo các lĩnh vực kinh doanh chủ đạo bao gồm dịch vụ tài chính, bảo hiểm, kinh doanh năng lượng, kinh doanh bất động sản, hoạt động công nghệ tài chính, và đầu tư cổ phần tư nhân. Công ty mẹ sẽ tiếp tục đầu tư để nâng sở hữu tại các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ tài chính, năng lượng/điện, dịch vụ tài chính, bảo hiểm và bất động sản. Tập đoàn cũng tiếp tục việc cấu trúc lại cơ cấu sở hữu tại các đơn vị thành viên, triển khai các hoạt động M&A và kê cả việc IPO đối với đơn vị thành viên có đủ điều kiện nhằm tối ưu lợi ích cho cổ đông.

Về hoạt động phát triển các dự án: Trong năm 2022 Tập đoàn sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ phát triển/triển khai các dự án của hiện có của Công ty mẹ và các Công ty thành viên để sớm đưa vào khai thác nhằm đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận bền vững cho Tập đoàn.

Về nguồn vốn và đầu tư: Triển khai nhiều hình thức huy động vốn trong và ngoài nước cho hoạt động đầu tư kinh doanh của Tập đoàn thông qua nhiều công cụ tài chính, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn để phục vụ chiến lược kinh doanh ngắn, trung và dài hạn của Tập đoàn.

Về quản trị nguồn lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Tiếp tục kiện toàn và xây dựng môi trường làm việc hiệu quả, công bằng và văn minh. Tập đoàn tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo, phát triển đội ngũ, tăng cường tuyển dụng các nhân sự có năng lực tốt phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn.

377
NG
PH
IÁN
P.
ỨNG

Với mục tiêu phát triển bền vững và căn cứ theo tình hình hoạt động đầu tư kinh doanh trong năm 2022, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2022 với các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận như sau: (i) tổng doanh thu là khoảng 1.680 tỷ đồng, (ii) tổng lợi nhuận trước thuế là khoảng 900 tỷ đồng.

Thay mặt HĐQT, tôi xin kính chúc các Quý cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.



Số: 129/2022/TTr-IPA

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A
Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022, lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022, chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, phân phối lợi nhuận năm 2021, thay đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty

Kính thưa: Quý cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung về báo cáo tài chính năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022, lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022, chi trả thù lao cho HĐQT, phân phối lợi nhuận 2021, thay đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021

HĐQT trình Đại hội cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính công ty mẹ
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	266.910.235.277	28.607.496.568
2.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.605.208.228.711	1.397.314.273.196
3.	Chi phí tài chính	284.478.789.087	155.780.143.956
4.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.792.209.772.553	1.250.153.700.881
5.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.789.214.295.569	1.249.647.839.419
6.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.593.952.733.482	1.027.698.382.143

Toàn văn nội dung báo cáo tài chính năm 2021 đã được đăng tải trên website của Công ty www.ipa.com.vn. HĐQT kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022

Căn cứ theo đánh giá về tình hình hoạt động đầu tư, kinh doanh năm 2022, HĐQT Công ty đặt ra kế hoạch kinh doanh với doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm 2022 như sau: (i) Tổng doanh thu là khoảng 1.680 tỷ đồng; (ii) Tổng lợi nhuận trước thuế là khoảng 900 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận nêu trên được HĐQT Công ty đưa ra một cách thận trọng trên cơ sở ước tính các khoản doanh thu và lợi nhuận dự kiến thu được từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hiện hữu và chưa tính đến trường hợp phát sinh các khoản doanh thu/lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng vốn/tài sản (nếu có) của Tập đoàn. HĐQT sẽ tiếp tục phát huy mọi nguồn lực với sự đồng lòng của tất cả cán bộ nhân viên trong Tập đoàn để thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh nêu trên.



3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022

HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT: (i) lựa chọn một trong các công ty kiểm toán có tên trong danh sách tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán đối với các công ty đại chúng để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của Công ty; và (ii) đánh giá và đàm phán để quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

4. Chi trả thù lao cho thành viên HĐQT

HĐQT xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về việc trả thù lao cho các thành viên HĐQT như sau:

- Số tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT trong năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022 là 5 triệu đồng/người /tháng.
- Tiền thù lao sẽ chi trả cho các thành viên HĐQT từ tháng 7 năm 2022 là 8 triệu đồng/người/tháng.

Thù lao trả cho các thành viên HĐQT được Công ty chi trả theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên, chi trả định kỳ hàng tháng.

Tiền lương của Tổng giám đốc và các thành viên Ban Tổng giám đốc trong năm 2021 là 180 triệu đồng. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc được Công ty chi trả trên cơ sở hợp đồng lao động và căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên Ban Tổng giám đốc.

5. Phân phối lợi nhuận năm 2021

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ) như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2021	1.027.698.382.143
2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối (lũy kế) đến 31/12/2021	291.933.668.639
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.448.241.226
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	290.485.427.413

Công ty không thực hiện chia cổ tức cho kết quả kinh doanh của năm tài chính 2021. Tuy nhiên, trong tháng 6 năm 2022 Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) với tỷ lệ là 20%/cổ phiếu.

6. Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản pháp luật có liên quan thì pháp luật có quy định một số ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trong danh mục các ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký doanh nghiệp hiện tại thì có một số ngành, nghề thuộc danh mục các ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Chính vì thế, trong thời gian qua Công ty đã phải thực hiện việc giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0% (thông báo số 5517/UBCK-PTTT ngày 24/9/2021 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 24/9/2021).

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nên phát sinh nhu cầu đầu tư vào cổ phiếu IPA của Nhà đầu tư nước ngoài. Với các hoạt động kinh doanh chủ đạo trong các mảng dịch vụ tài chính, kinh doanh bất động sản, kinh doanh năng lượng và đầu tư cổ phần tư nhân thì Công ty cũng luôn mở rộng đối với nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào Công ty. Theo các định hướng và chiến lược kinh doanh của Công ty trong các năm tới thì các hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty sẽ có những chuyển biến hết sức tích cực và sẽ thu hút được nguồn vốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài. Bởi vậy, Công ty

cần thực hiện thay đổi các ngành, nghề kinh doanh để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư vào cổ phiếu IPA.

Bởi vậy, HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo hướng giảm/xóa bỏ các ngành nghề đang hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể:

Giảm/xóa bỏ các ngành nghề kinh doanh sau đây:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
2.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
5.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ đại diện cho thương nhân; - Dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa; - Hoạt động thương mại điện tử; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
7.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: - Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp; - Cung cấp các cấu phần phần cứng, phần mềm của hệ thống máy tính; - Thực hiện cài đặt hệ thống, đào tạo, hướng dẫn và trợ giúp khách hàng của hệ thống. - Quản lý và điều hành hệ thống máy tính của khách hàng và/hoặc công cụ xử lý dữ liệu; - Các hoạt động chuyên gia và các hoạt động khác có liên quan đến máy vi tính.	6202
8.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; - Bán lẻ đồ điện máy, thiết bị tin học, viễn thông trong siêu thị, trung tâm thương mại; - Bán lẻ đồ điện máy, thiết bị tin học, viễn thông trong các cửa hàng bách hóa, cửa hàng kinh doanh tổng hợp; - Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4719
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Môi giới mua bán hàng hóa; Đại lý bán hàng hóa	4610
11.	Quảng cáo	7310

12.	Công thông tin	6312
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
14.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
15.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
16.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
17.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
18.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột Chi tiết: - Sản xuất tinh bột từ gạo, khoai tây, ngô - Sản xuất bột sắn và các sản phẩm phụ của sắn;	1062
19.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
20.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
21.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
22.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đậu phụ; - Sản xuất và chế biến các sản phẩm từ đỗ tương; - Sản xuất gia vị, bột gia vị, hạt nêm, nước chấm; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất giấm;	1079
23.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
26.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
27.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
28.	Bán buôn đồ uống	4633

Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh sau:

- Ngành nghề trước khi điều chỉnh:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
2.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

- Ngành nghề sau khi điều chỉnh:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản (Không bao gồm Dịch vụ định giá bất động sản)	6820
2.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810

Sau khi giảm/loại bỏ/điều chỉnh các ngành, nghề kinh doanh nêu trên thì sẽ tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Công ty với tỷ lệ sở hữu lên đến 49% vốn điều lệ của Công ty.

Để thực hiện hoàn thành các công việc và thủ tục liên quan đến các vấn đề nêu tại Mục 6 này,

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT/Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định, tổ chức, triển khai các thủ tục liên quan nhằm thay đổi ngành, nghề kinh doanh, thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngoài các thay đổi ngành nghề kinh doanh nêu trên, Đại hội đồng cổ đông cũng giao và ủy quyền toàn bộ cho Chủ tịch HĐQT tiếp tục rà soát, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh không phù hợp với tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty (nếu có phát sinh) để đảm bảo trong mọi tình huống tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đảm bảo mức tối thiểu là 49%. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định và triển khai thực hiện các công việc và thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Căn cứ theo việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh nêu trên, HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 (ngành, nghề kinh doanh của Công ty) của Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A phù hợp với nội dung thay đổi nêu trên. Điều lệ của Công ty (sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4) sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua sẽ được Chủ tịch HĐQT Công ty ký ban hành với các nội dung thay đổi tương ứng như nêu tại Tờ trình này.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ký ban hành Điều lệ mới của Công ty căn cứ theo các nội dung thay đổi đăng ký doanh nghiệp nêu tại Mục 6 trên đây. Trường hợp phát sinh thêm các thay đổi khác liên quan đến ngành nghề kinh doanh thì Chủ tịch HĐQT cũng được chủ động sửa đổi nội dung tương ứng về ngành nghề kinh doanh tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty.

Trên đây là các nội dung HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

VŨ HIỀN



Số: 130/2022/IPA

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/01/2022 Đại hội đồng cổ đông Công ty (“ĐHĐCĐ”) đã thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng, chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty mới thực hiện hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 10/01/2022 vẫn chưa được thực hiện hoàn thành. Bởi vậy, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (“Công ty”, “IPA”, “Tập đoàn IPA”) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua việc chào bán cổ phiếu của Công ty với các nội dung như sau:

A. CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

I. Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
2. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
3. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
5. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành : 213.835.775 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: : 213.835.775 cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 213.835.775 cổ phiếu.
9. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm dự kiến theo mệnh giá : 2.138.357.750.000 đồng.
10. Tỷ lệ phát hành : 100% (là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành).
11. Giá chào bán : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
12. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được xác định dựa trên nguyên tắc và căn cứ theo: (i) giá trị sổ sách trên mỗi cổ

- phiếu theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã kiểm toán của Công ty; và (ii) giá trị thị trường của cổ phiếu IPA.
13. Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền mua cổ phiếu mới.
14. Phương thức chào bán : Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
15. Tỷ lệ thực hiện quyền : 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền mua, 01 quyền mua được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm).
16. Thời gian thực hiện : Trong năm 2022 hoặc năm 2023, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
17. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (*người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba*). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu, sẽ được hưởng 100 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B. Nhà đầu tư B không được chuyển nhượng lại quyền mua cho người thứ ba.
18. Xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ : Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên sẽ không có phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ.
19. Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua : Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định việc chào bán số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cho nhà đầu tư/cổ đông khác trên nguyên tắc (i) giá chào bán cho nhà đầu tư khác không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, (ii) các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư mua số cổ phiếu này không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, (iii) hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định

- tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
20. Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
21. Chào mua công khai : Trường hợp cổ đông/nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua, nhận mua thêm cổ phiếu còn dư và các trường hợp khác (nếu có) dẫn đến phải chào mua công khai thì cổ đông/nhà đầu tư phải thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và tại các văn bản pháp luật khác
22. Mục đích chào bán : Chào bán thêm cổ phiếu nhằm mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng vào các mục đích phù hợp với phương án sử dụng vốn nêu tại Phần II.
23. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không quy định.
24. Phương án xử lý trong trường hợp chào bán cổ phiếu không thành công như dự kiến : Trong trường hợp số cổ phiếu đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT cân nhắc bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay các tổ chức tín dụng hoặc vay từ tổ chức/cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật.
25. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành : Khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện việc phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.
26. Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu từ chối mua/không mua hết khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (dự kiến tối đa là **2.138.357.750.000** đồng) sẽ được sử dụng cho các mục đích, các hoạt động đầu tư/kinh doanh của Công ty như sau (theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới):

- Đầu tư, thanh toán tiền mua cổ phần tại các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực tài chính để kiện toàn chiến lược phát triển Tập đoàn IPA thành một định chế đầu tư trong lĩnh vực

vực dịch vụ tài chính và công nghệ tài chính: Tổng nguồn vốn dự kiến là **1.600** tỷ đồng. Doanh nghiệp mà Công ty dự kiến đầu tư, mua cổ phần là Tổng Công ty CP Bảo Hiểm Bưu Điện (với nguồn vốn dự kiến là **1.600** tỷ đồng). Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về số lượng cổ phần và giá trị mua cổ phần tại doanh nghiệp mục tiêu căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Đầu tư vào các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính an toàn, có lãi suất cố định trên thị trường vốn/thị trường tiền tệ để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn IPA: Nguồn vốn dự kiến là **200** tỷ đồng. Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính (đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá, các loại trái phiếu và các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính có lãi suất cố định khác) và giá trị đầu tư vào các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Tái cơ cấu tài chính đối với các khoản vay/nợ, thanh toán các khoản vay/nợ và các khoản phải trả của Công ty (bao gồm thanh toán các khoản nợ vay, các khoản trả nợ lãi trái phiếu và trả nợ gốc trái phiếu/mua lại trái phiếu): Nguồn vốn dự kiến là **338.357.750.000** đồng. Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về các khoản vay/nợ cần thanh toán và giá trị các khoản thanh toán căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty tại khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Thời gian sử dụng vốn đối với các khoản tiền/nguồn vốn nêu trên dự kiến là từ Quý 4 năm 2022 và/hoặc ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT (i) toàn quyền quyết định cụ thể phương án sử dụng vốn, quyết định cụ thể việc phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu vào các mục đích sử dụng vốn căn cứ theo tình hình hoạt động của Công ty và thị trường vốn/thị trường chứng khoán tại thời điểm triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng; (ii) quyết định thời điểm giải ngân, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán trong trường hợp thấy cần thiết và/hoặc căn cứ theo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT được toàn quyền quyết định việc sử dụng vốn một cách linh hoạt phù hợp với thực tế của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả và tối ưu cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

III. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung

Toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu trong thời hạn mà pháp luật quy định.

IV. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Cùng với việc ủy quyền cho HĐQT với các nội dung nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu như trên đây, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau đây:

- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định cụ thể việc triển khai thực hiện chào bán cổ phiếu; Quyết định thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu huy động vốn và hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Quy định cụ thể về phương án sử dụng vốn và/hoặc quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn căn cứ theo điều kiện thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan quản lý tại thời

điểm thực hiện thủ tục chào bán cổ phiếu để đảm bảo thủ tục chào bán cổ phiếu được thực hiện thành công;

- Quyết định và tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể; quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và chủ động điều chỉnh việc sử dụng nguồn vốn/số tiền thu được; quyết định thời điểm giải ngân/sử dụng số tiền thu được; quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán khi thấy cần thiết hoặc theo tình hình hoạt động của Công ty (HĐQT được toàn quyền quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán); phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu để sử dụng vào các mục đích phù hợp với thực tế của Công ty;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; và (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dăng ký kinh doanh của Công ty; và (iii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành/chào bán cổ phiếu, việc sử dụng vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu, đăng ký/lưu ký bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu.

B. CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ CHO NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP

I. Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

- Tên chứng khoán phát hành : Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
- Giá chào bán : Ủy quyền cho HĐQT quyết định giá chào bán cho nhà đầu tư căn cứ theo giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm thực hiện thủ tục chào bán.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán : Căn cứ vào giá giao dịch của cổ phiếu IPA trên thị trường chứng khoán và dựa trên cơ sở đàm phán giữa Công ty và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp nhưng trên nguyên tắc không thấp hơn mức giá trung bình của cổ phiếu trong 30 phiên giao dịch gần nhất trên thị trường chứng khoán tính đến thời điểm thực hiện thủ tục chào bán.
- Số cổ phiếu chào bán (dự kiến): : Số lượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ bằng 9,9% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm thực hiện thủ tục chào bán riêng lẻ.

- Số vốn điều lệ tăng thêm (dự kiến) : Số vốn điều lệ tăng thêm bằng 9,9% tổng số vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thực hiện thủ tục chào bán riêng lẻ.
- Đối tượng chào bán: : Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thỏa mãn điều kiện tại Điều 11 Luật Chứng khoán năm 2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư : Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán bao gồm các tổ chức/cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:
- Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
 - Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
 - Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả.
- Phương thức phân phối : Phân phối trực tiếp cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

- Số lượng nhà đầu tư tham gia mua cổ phần chào bán riêng lẻ : Tối thiểu 01 Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Thời gian thực hiện : Trong năm 2022 hoặc năm 2023, sau khi có chấp thuận chào bán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Mối quan hệ giữa nhà đầu tư tham gia mua cổ phần chào bán riêng lẻ với IPA : Không có.
- Mối quan hệ giữa nhà đầu tư tham gia mua cổ phần chào bán riêng lẻ với người có liên quan của IPA : Không có.
- Phương án làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) : Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ không phát sinh cổ phiếu lẻ. Trong trường hợp Nhà đầu tư không mua hết số cổ phiếu mà Công ty dự định chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ được hủy.
- Phương án xử lý trong trường hợp chào bán cổ phiếu không thành công như dự kiến : Trong trường hợp số cổ phiếu đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT cân nhắc bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay các tổ chức tín dụng hoặc vay từ tổ chức/cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành : Khi phát hành cổ phiếu cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết. Ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện việc phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.
- Hạn chế chuyển nhượng: : Toàn bộ cổ phiếu phát hành, chào bán riêng lẻ đều bị hạn chế chuyển nhượng là 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, chào bán, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật,

quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ được đầu tư mua cổ phần và/hoặc góp vốn hợp tác kinh doanh của/với các doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bất động sản của Tập đoàn IPA.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định việc sử dụng vốn bao gồm quyết định đối tượng đầu tư, mức giá đầu tư, giá trị đầu tư, thời điểm đầu tư ... và các nội dung khác để đảm bảo kế hoạch đạt được kết quả như kỳ vọng

III. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung

Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu trong thời hạn mà pháp luật quy định.

IV. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị

Cùng với việc ủy quyền cho HĐQT với các nội dung nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như trên đây, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT các nội dung sau đây:

- Quy định cụ thể phương án phát hành/chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung phương án phát hành/chào bán cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Lựa chọn nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp cụ thể và xác định số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Quyết định mức giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ dựa trên cơ sở đàm phán với nhà đầu tư và diễn biến giao dịch giá của cổ phiếu IPA tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Điều chỉnh/ bổ sung phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ nhằm tăng vốn điều lệ để phù hợp với sự thay đổi của các văn bản pháp luật tại thời điểm triển khai phương án (xin cấp phép các cơ quan quản lý, phân phối cổ phiếu, niêm yết, lưu ký bổ sung cổ phiếu chào bán thành công...) và/ hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- Quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu;
- Thực hiện việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu, điều chỉnh/bổ sung số lượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo phương án chào bán nêu trên đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành/chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu Nhà đầu tư nước ngoài như quy định;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án chào bán sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật;
- Xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành/chào bán gửi UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;
- Đăng ký, lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán đối với số cổ phiếu phát hành/chào bán thành công trong thời gian quy định của pháp luật hiện hành;

- Điều chỉnh nội dung vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các giấy tờ pháp lý của Công ty theo đúng số vốn điều lệ tăng lên thực tế;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; và (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh của Công ty; và (iii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc cần thiết khác để triển khai việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ phù hợp với các nội dung nêu trên.

Trên đây là các nội dung về việc chào bán cổ phiếu của Công ty, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.



Số: 131/2022/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A
VỀ VIỆC BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Theo cơ cấu tổ chức của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A được quy định tại Điều lệ thì Hội đồng quản trị của Công ty gồm có 05 thành viên. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty thì nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là không quá năm năm.

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 nên đến nay đã đủ thời hạn 05 năm theo quy định. Do vậy, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thì Đại hội đồng cổ đông sẽ thực hiện bầu các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ mới (2022-2027). Các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ sẽ kết thúc nhiệm kỳ sau khi Đại hội đồng cổ đông bầu được các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới.

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra 05 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ Công ty được quyền đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

Ứng viên được đề cử, ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ứng viên được đề cử, ứng cử nhưng không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định nêu trên thì sẽ không được bầu.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Số phiếu bầu cho mỗi ứng viên không bắt buộc phải bằng nhau. Cổ đông có thể chỉ sử dụng một phần trong tổng số phiếu bầu của mình, số phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào khác. Tổng số phiếu bầu cho ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo tổng số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty (05 thành viên Hội đồng quản trị). Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau đó.



Ban tổ chức ĐHĐCĐ giới thiệu tóm tắt các thông tin về người được đề cử/ứng cử đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hợp ĐHĐCĐ để các cổ đông xem xét bỏ phiếu bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới.

Trân trọng!

